

Số: 345/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 26 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2752/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôngiữa:

- Nguyên đơn: Đỗ Thúy H; Sinh năm: 1978

Số CCCD: 001178042300

Địa chỉ thường trú: Số E đường P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ 15.9 Tòa Park1, Vinhomes C, B đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Nguyễn Tuấn A; Sinh năm: 1971

Số CCCD: 001071014462

Địa chỉ thường trú: Số E đường P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Số B đường số B KDC S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Đỗ Thúy H; Sinh năm: 1978

Số CCCD: 001178042300

Địa chỉ thường trú: Số E đường P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Căn hộ 15.9 Tòa Park1, Vinhomes C, B đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Nguyễn Tuấn A; Sinh năm: 1971

Số CCCD: 001071014462

Địa chỉ thường trú: Số E đường P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: Số B đường số B KDC S, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thúy H và ông Nguyễn Tuấn A thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Đỗ Thúy H và ông Nguyễn Tuấn A cùng xác định có 04 con chung tên Nguyễn Thùy A1 (giới tính nữ, sinh ngày: 06/6/1999, đã trưởng thành), Nguyễn Tuấn Anh H1 (giới tính nam, sinh ngày 05/4/2009) và Nguyễn Tuấn Anh K (giới tính nam, sinh ngày 05/4/2009) và Nguyễn Hồng Diệu A2 (giới tính nữ, sinh ngày 25/4/2013). Bà Đỗ Thúy H và ông Nguyễn Tuấn A thống nhất giao con chung tên Nguyễn Tuấn Anh H1 cho ông Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng; giao 02 con chung tên Nguyễn Tuấn Anh K và Nguyễn Hồng Diệu A2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông Tuấn A và bà Hồng T thỏa thuận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thúy H và ông Nguyễn Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Đỗ Thúy H tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thúy H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029610 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đỗ Thúy H được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2000 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/02/2000 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND P.Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh